

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 11 – 2020
V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2020/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1979(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Lâm Quốc V, năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Anh Lâm Quốc V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 21.10.2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2020 và tại các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị Ng (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh V kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống từ năm 1999 nhưng đến nay không có tiến hành đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hàn

gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có con chung là Lâm Thị L, sinh ngày 09.02.2001, hiện đã đủ tuổi đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh V không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh V không có nợ chung, không có thiếu nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án, anh Lâm Quốc V (Bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ng kết hôn chung sống từ năm 1999 nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh đồng ý ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Anh và chị Ng có con chung là Lâm Thị L, sinh ngày 09.02.2001, hiện đã đủ tuổi đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Ng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị Ng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì chị Ng có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Ng đã được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Anh V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tranh chấp giữa chị Ng và anh V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Ng và anh V có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ng và anh V chung sống như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Ng và anh V có ý kiến đồng ý ly hôn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Ng và anh V không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Na và anh V không có giá trị pháp lý; Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị Ng và anh V là vợ chồng.

Về con chung: Chị Ng và anh V thống nhất con chung là Lâm Thị L, sinh ngày 09.02.2001, hiện đã đủ tuổi đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị Ng và anh V thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ thu, nợ trả: Chị Ng và anh V xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Ng phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Lâm Quốc V là vợ chồng.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005751 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lâm Quốc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng